

LUẬN TỖ BÀ SA

QUYỂN 12

Phần Thứ Ba Mười Lăm: XỨ CỦA BỐN VÔ SẮC

Bốn Vô Sắc: Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ và Hữu tướng Vô tướng xứ.

Hỏi: Vì sao tạo ra phần luận này?

Đáp: Vì dứt trừ ý của người, nên tạo ra phần luận này. Hoặc có ý muốn cho có sắc ở trong Vô Sắc, hoặc có ý muốn cho không có sắc ở trong Vô Sắc. Phái Tỳ-bà-xà-bà-đề muốn cho có sắc ở trong Vô Sắc. Phái Dục-đa-bà-đề muốn cho không có sắc trong Vô Sắc.

Hỏi: Vì sao Tỳ-bà-xà-bà-đề muốn cho có sắc trong Vô Sắc?

Đáp: Vì người kia từ Khế kinh của Phật khởi có sắc trong Vô Sắc. Người ấy nói: Trong Khế kinh của Đức Thế Tôn nói: Danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc, tức có thức trong Vô Sắc.

Nếu có thức trong Vô Sắc, lẽ ra cũng nên có sắc.

Lại Khế kinh khác nói: Thọ mạng, noãn, thức, ba pháp này thường hợp, không bao giờ rời nhau, ba pháp này không được lập riêng.

Nếu ba pháp này không được lập riêng, sẽ có thức trong Vô Sắc.

Nếu đã có thức trong Vô Sắc, thì cũng sẽ có noãn, mà noãn tức là sắc.

Trong Khế kinh khác, Đức Thế Tôn nói: Nếu tạo ra thuyết này: Ngã lia sắc, lia thống (thọ), tướng, hành, xúc lập ra thức: hoặc đến, hoặc trụ, hoặc sinh, hoặc sau cùng.

Ở đây, không nên tạo ra thuyết này, vì có thức trong Vô Sắc, nếu đã có thức trong Vô Sắc, thì cũng nên có bốn thức trụ.

Lại nói, nhằm hỏi vặn, trách cứ vụ việc: Nếu không có sắc trong Vô Sắc nghĩa là từ cõi Dục, cõi Sắc, sau cùng sẽ sinh cõi Vô Sắc. Người kia hoặc tám vạn kiếp, sắc dứt hẳn. Nếu từ cõi Dục kia, sau cùng sinh cõi Dục, cõi Sắc. Trong tám vạn kiếp, sắc đã dứt hẳn sẽ sinh trở lại. Nếu sắc của tám vạn kiếp đã dứt hẳn rồi sinh trở lại thì lẽ ra A-la-hán đã nhập cõi Niết-bàn vô dư, tất cả hành hữu vi đều dứt hẳn, về sau

cũng sẽ sinh lại.

Nếu A-la-hán nhập Niết-bàn vô dư, tất cả hành hữu vi đều dứt hẳn. Về sau, cũng sẽ sinh trở lại, lẽ ra không có giải, không có thoát, không có lìa, không có xuất ly, đừng nói có lỗi. Cho nên có sắc trong Vô Sắc, dùng Khế kinh này làm chứng, nên phái Tỳ-bà-xà-bà-đề nói: Có sắc trong Vô Sắc.

Hỏi: Phái Dục-đa-bà-đề có ý gì mà muốn cho không có sắc trong Vô Sắc?

Đáp: Vì từ Khế kinh của Phật khởi, nên ông ta muốn cho không có sắc trong Vô Sắc. Ông ấy nói: Trong Khế kinh của Thế Tôn nói: Thôi dứt giải thoát kia, vượt qua sắc đến Vô Sắc.

Như thế, thân tác chứng của hình tượng chánh thọ thành tự sự du hóa, như vượt qua sắc đến Vô Sắc. Cho nên không có sắc trong Vô Sắc.

Lại Khế kinh khác nói: Lìa dục đến sắc, lìa sắc đến Vô Sắc. Nếu lìa sắc đến Vô Sắc, cho nên không có sắc trong Vô Sắc.

Lại Khế kinh khác nói: Tất cả vượt qua tướng sắc, diệt trừ tướng có đối, không nghĩ nhớ đến tướng xen lẫn, vô lượng không là không, thành tự sự du hóa.

Nếu vượt qua tất cả tướng sắc, cho nên không có sắc trong Vô Sắc.

Lại Khế kinh khác nói: Trong thiên phẩm nói: Được, có thể được, có có thể có. Nếu sắc, thống (thọ), tướng, hành, thức, hành giả kia quán pháp này như bệnh, như chứng ung nhọt, như mũi nhọn, như mũi tên, như rắn độc, quán vô thường, khổ, không, phi ngã. Trong phẩm Vô Sắc nói: Được, có thể được; có, có thể có. Như thống (thọ), như tướng, hành, thức, hành giả kia quán pháp này như bệnh, như gai nhọn đâm, như mũi tên, như rắn độc, quán vô thường, khổ, không, phi ngã. Như trong Thiên phẩm nói có sắc, trong phẩm Vô Sắc không nói sắc. Vì thế cho nên chúng ta biết không có sắc trong Vô Sắc.

Lại có thuyết nữa nêu vấn nạn: Nếu có sắc trong Vô Sắc, thì đoạn thứ lớp của pháp, sẽ không thể biết. Nghĩa là các pháp hữu ở cõi Dục, pháp này có ở cõi Sắc, Vô Sắc. Như thế, theo thứ lớp của pháp đoạn, không thể biết. Nếu theo thứ lớp của pháp đoạn không thể biết, lẽ tất nhiên pháp đoạn rốt ráo cũng không thể biết được, vì do đoạn thứ lớp của pháp đoạn, cho đến rốt ráo có thể lập. Nếu đến rốt ráo không đoạn, thì đúng là không có giải, không có thoát, không có lìa, không có xuất ly, đừng nói có lỗi.

Cho nên không có sắc trong Vô Sắc dùng Khế kinh này làm chứng nên phải Dục-đa-bà-đề nói: Không có sắc trong Vô Sắc.

Một thuyết như thế, hai thuyết như thế, chỉ nói: Như thế là: Không có sắc trong Vô Sắc là đúng.

Hỏi: Nếu không có sắc trong Vô Sắc, thì phái Dục-đa-bà-đề này làm sao hiểu Khế kinh đã minh chứng mà phái Tỳ-bà-xà-bà-đề kia đã nói?

Đáp: Thuyết của Khế kinh này có ý để hiểu.

Hỏi: Có ý nghĩa gì và hiểu thế nào?

Đáp: Phật, Thế Tôn, hoặc do cõi Dục nên nói Khế kinh, hoặc vì cõi Sắc, hoặc vì cõi Vô Sắc, hoặc vì cõi Dục, cõi Sắc, hoặc vì cõi Sắc, Vô Sắc, hoặc vì cả ba cõi, hoặc vì lìa ba cõi.

Vì cõi Dục nên nói: Không phải cõi Sắc, Vô Sắc, như nói: ba cõi: cõi Dục, cõi giận dữ và cõi hại.

Đây là Khế kinh vì cõi Dục nên nói: Không phải cõi Sắc, Vô Sắc. Vì cõi Sắc, cho nên nói: Không phải cõi Dục, không phải cõi Vô Sắc, nghĩa là như phẩm Thiên ở trên đã nói.

Đây là Khế kinh vì cõi Sắc nên nói: Không phải cõi Dục, không phải cõi Vô Sắc.

Vì cõi Vô Sắc, nên nói chẳng phải cõi Dục, chẳng phải cõi Sắc.

Như phẩm Vô Sắc ở trên đã nói. Đây là Khế kinh vì cõi Vô Sắc nên nói: Không phải cõi Dục, không phải cõi Sắc.

Vì cõi Dục, cõi Sắc, nên nói không phải cõi Vô Sắc, như Khế kinh này nói: Danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc. Khế kinh này vì cõi Dục, cõi Sắc nên nói, chứ không phải cõi Vô Sắc. Vì sao? Vì hữu sắc trong cõi Dục, cõi sắc này. Cho nên danh sắc của cõi này duyên thức, thức duyên danh sắc.

Không có sắc trong Vô Sắc, cho nên danh kia duyên thức, thức duyên danh. Vì thế cho nên Khế kinh ấy vì cõi Dục, cõi sắc nên nói, chứ không phải cõi Vô Sắc.

Vì cõi Sắc, Vô Sắc nên nói, không phải vì cõi Dục, như thiên kinh đã nói ý kinh, sinh kinh. Khế kinh ấy vì chúng sinh cõi Sắc, Vô Sắc nên nói, chứ không phải cõi Dục.

Vì ba cõi nên nói, như nói: Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Khế kinh này vì ba cõi nên nói.

Vì lìa ba cõi nên nói, như nói: Tỳ-kheo! Ta sẽ nói Niết-bàn và đạo Niết-bàn. Khế kinh này vì lìa ba cõi nên nói. Như nói: Thọ mạng, noãn, thức, ba pháp này thường kết hợp, không bao giờ rời nhau. Ba pháp này

không được lập riêng.

Khế kinh này cũng vì cội Dục, cội Sắc nên nói, chứ không phải cội Vô Sắc. Vì sao? Vì có sắc trong cội Dục, cội Sắc này, cho nên ba pháp này thường kết hợp không bao giờ rời nhau. Ba pháp này không thể được lập riêng. Vì không có sắc trong Vô Sắc, cho nên thọ, và thức, hai pháp này thường kết hợp không bao giờ rời nhau. Hai pháp này không được lập riêng. Đây là nói đã được thông suốt với ý của Khế kinh ấy.

Như ông đã nói: Ba pháp theo Khế kinh này nói thường kết hợp không bao giờ rời nhau, không thể lập riêng. Ba pháp này cũng có thể được lập riêng: Vì giới, vì nhập, vì ấm.

Giới lập riêng: Thọ thuộc về pháp giới, noãn thuộc về sắc giới, thức thuộc về giới bả ý.

Nhập lập riêng: Thọ thuộc về pháp nhập, noãn thuộc về xúc nhập, thức thuộc về ý nhập.

Ấm được lập riêng: Thọ thuộc về hành ấm, noãn thuộc về sắc ấm, thức thuộc về thức ấm.

Như thế, ba pháp này không thể thường kết hợp, vì chúng cũng có thể lập riêng: Vì giới, vì nhập, vì ấm.

Chớ nên tạo ra thuyết ấy, vì Khế kinh này nói: Ba pháp này thường kết hợp không bao giờ rời nhau.

Ba pháp này không thể lập riêng. Như nói: Nếu tạo ra thuyết này thì ngã sẽ lìa sắc, lìa thống (thọ), tưởng, hành, xúc lập riêng thức, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sinh, hoặc chết. Ở đây không nên tạo ra thuyết này: Khế kinh này cũng nói là lập cội Dục, cội Sắc. Vì sao? Vì có sắc trong cội Dục, cội Sắc này, cho nên thức này vì bốn thức trụ nên lập ra.

Vì không có sắc trong Vô Sắc, thức kia vì ba thức trụ, nên được lập, nghĩa là tạo ra thuyết này: Ngã trừ bốn thức trụ, lập riêng một mình thức, thức này không bao giờ lập được, Nghĩa là trừ một thức trụ, vì ba thức trụ nên thiết lập, ba thức trụ đó có thể lập ra Như nói: Nếu không có sắc trong Vô Sắc, thì nói là từ cội Dục, cội Sắc, cuối cùng sinh cội Vô Sắc.

Hành giả kia, hoặc sắc của tám vạn kiếp đã dứt hẳn, nếu từ cội Dục kia cuối cùng sẽ sinh cội Dục, cội Sắc, thì sắc của tám vạn kiếp đã dứt hẳn lại sinh trở lại, hoặc sắc trong tám muôn kiếp đã dứt hẳn lại sinh trở lại, lẽ ra A-la-hán đã nhập Niết-bàn vô dư, tất cả hành hữu vi đã dứt trừ hẳn, về sau cũng sẽ sinh trở lại? Nếu A-la-hán đã nhập Niết-bàn vô dư, tất cả hành hữu vi đã dứt hẳn, về sau cũng sẽ sinh trở lại, tất nhiên không có giải, không có thoát, không có lìa, không có xuất ly,

đừng nói có lỗi.

Cho nên có Sắc trong Vô Sắc hay không?

Đáp: Vấn đề này không nên hiểu, vì đây không phải là Khế kinh, không phải Luật, A-tỳ-đàm, nên không thể dùng thí dụ của thế gian làm hư hoại pháp của Hiền Thánh. Vì thí dụ của thế gian khác, pháp của Hiền Thánh khác, sự việc này, nếu hiểu thì phải có ý nghĩa gì?

Hoặc nhân sắc, Vô Sắc, sinh ra sắc, Vô Sắc, hoặc nhân sắc, Vô Sắc sinh ra Vô Sắc, hoặc nhân Vô Sắc sinh Vô Sắc, hoặc nhân Vô Sắc sinh sắc, Vô Sắc. Nhân sắc, Vô Sắc, sinh ra sắc, Vô Sắc, nghĩa là nếu từ cõi Dục, cõi Sắc, sau cùng sẽ trở lại sinh cõi Dục, cõi Sắc.

Nhân sắc, Vô Sắc sinh Vô Sắc: Nếu từ cõi Dục, cõi Sắc, cuối cùng sinh lại cõi Vô Sắc.

Nhân Vô Sắc, sinh Vô Sắc: Nếu từ cõi Vô Sắc, cuối cùng sẽ sinh cõi Vô Sắc.

Nhân Vô Sắc, sinh cõi Sắc vì Vô Sắc: Nếu từ cõi Vô Sắc, cuối cùng sinh cõi Dục, cõi Sắc.

Hoặc có sắc nối tiếp nhau, đến cuối cùng đoạn, hoặc đoạn trong giây lát, nghĩa là sắc nối tiếp nhau, đến cuối cùng đoạn: người kia không sinh trở lại, nghĩa là sắc nối tiếp nhau đoạn trong chốc lát: người kia sẽ sinh trở lại.

A-la-hán kia nhập cõi Niết-bàn vô dư, tất cả hành hữu vi dứt hẳn, cho nên không sinh lại.

Hỏi: Phái Tỳ-bà-xà-bà-đề kia làm sao thông suốt luận chứng của Khế kinh mà phái Dục-đa-bà-đề đã nói?

Đáp: Phái Tỳ-bà-xà-bà-đề nói: Như trong Khế kinh của Phật nói: Hành giả kia thôi dứt giải thoát, vượt qua sắc, đến Vô Sắc. Như thế, nhận lấy thân của tượng, chánh, tác chứng thành tựu sự du hóa. Khế kinh này nói: Vì Phật đã vượt qua sắc thô, nên nói có sắc trong Vô Sắc, chỉ bốn đại vi tế, phân tán khắp cõi không.

Có thuyết nói: Vấn đề này không biện luận. Vì sao? Vì nói cực vi sắc cũng thô nơi bốn ấm. Tuy nhiên, thuyết kia nói bốn ấm, không nói sắc ấm. Do đó, nên không biết không có sắc trong Vô Sắc.

Hỏi: Như nói: Lìa dục đến sắc, lìa sắc đến Vô Sắc, điều này làm sao hiểu?

Đáp: Như cõi Sắc kia lìa cõi Dục, vì trong cõi Sắc, nên có sắc. Như thế, cõi Vô Sắc lìa cõi Sắc, thì ở trong cõi Vô Sắc, lẽ ra cũng có sắc.

Có thuyết nói: Điều này không biện luận. Vì sao? Vì nếu cõi Sắc kia lìa sắc cõi Dục này thì có thể như vậy, chỉ vì cõi Sắc kia lìa dục trong

cõi Dục ấy mà không lia sắc, vì không có dục trong sắc. Cũng thế, cõi Vô Sắc kia lia sắc trong cõi Sắc này, do đấy nên không có sắc trong cõi Vô Sắc.

Ngoài những chứng minh của Khế kinh cho thấy thuyết kia không thể hiểu chỉ có quả vô trí kia, quả tối tăm, quả si, quả phi tinh tiến. Nghĩa là muốn cho có sắc trong cõi Vô Sắc, nhưng không có sắc trong cõi Vô Sắc. Ở đây, vì muốn dứt trừ ý của người khác, thể hiện ý mình, vì nói pháp như như bình đẳng, nên tạo ra phần luận này.

Đừng để mất ý người khác, đừng biểu hiện ý riêng mình, chỉ vì nói pháp như như bình đẳng, nên tạo ra phần luận này.

Bốn Vô Sắc: Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng Vô tướng xứ.

Thế nào là Không xứ? Như kinh của Bà-tu-mật đã nói: Không xứ là chánh thọ của Không xứ và sinh, nghĩa là thống (thọ), tướng, hành, thức thiện.

Hỏi: Vì sao như thiên, hoặc nói chánh thọ và sinh, hoặc nói sinh không phải chánh thọ, còn Vô Sắc thì nói tất cả chánh thọ và sinh?

Đáp: Vì Vô Sắc kia không phải là các thứ, không phải là ngân ấy tướng, không phải là không tương tự, cho nên tất cả nói chánh thọ và sinh. Thiên: Là ngân ấy các thứ tương tự, không tương tự, cho nên hoặc nói chánh thọ và sanh. Hoặc nói sinh không phải chánh thọ.

Hoặc nói: Vô Sắc không phải là các thứ công đức trang nghiêm. Cho nên tất cả đều nói là chánh thọ và sinh. Thiên có vô số công đức trang nghiêm, cho nên hoặc nói chánh thọ và sinh, hoặc nói sinh không phải chánh thọ.

Hoặc nói: Vô Sắc không có nhiều pháp diệu, cho nên tất cả nói chánh thọ và sinh. Thiên có nhiều pháp diệu, cho nên hoặc nói chánh thọ và sinh, hoặc nói sinh không phải chánh thọ.

Hoặc nói: Vô Sắc là vi tế không thể thấy, khó có thể biểu hiện, cho nên tất cả nói chánh thọ và sinh. Thiên là thô, có thể thấy, có thể biểu hiện, cho nên hoặc nói chánh thọ và sinh, hoặc nói sinh không phải chánh thọ.

Bốn định Vô Sắc: Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tướng Vô tướng xứ.

Thế nào là Không xứ? Ở đây, Tỳ-kheo vượt qua tất cả tướng sắc, diệt tướng có đối, không nghĩ nhớ xen lẫn, lấy vô lượng không là vô lượng Không xứ thành tựu sự du hóa. Tỳ-kheo kia vượt qua tất cả tướng sắc: Tướng sắc, là ở Tứ thiên đối với các tướng sắc tán khắp đại địa

hiện ra, tướng kia phải diệt. Vì thế cho nên nói vượt qua tất cả tướng sắc, diệt tướng có đối, tướng có đối: Nghĩa là tướng tương ứng với thân năm thức.

Hỏi: Như khi trừ dục của cõi Dục, là đã diệt tướng tương ứng của thân năm thức, hoặc lúc Sơ thiền trừ dục đã diệt. Vì sao khi Tứ thiền trừ dục thì nói là diệt tướng có đối?

Đáp: Dù có tướng tương ứng của thân năm thức, hoặc lúc trừ dục cõi Dục đã diệt, hoặc khi Sơ thiền trừ dục đã diệt, nhưng tướng xứ kia chưa diệt, nghĩa là Tứ thiền trừ dục xong, tướng xứ kia mới diệt. Vì tướng diệt nên nói.

Hoặc nói: Vì diệt chủ thể nương tựa nên nói, dù có tướng tương ứng của thân năm thức, hoặc khi dứt trừ dục, cõi Dục đã diệt, hoặc lúc Sơ thiền trừ dục đã diệt, chỉ vì nương tựa chưa diệt, nghĩa là Tứ thiền trừ dục xong, đối tượng nương tựa bền diệt, cho nên vì chủ thể nương tựa diệt nên nói.

Lại có thuyết nói: Tướng có đối: Tướng tương ứng với sự giận dữ.

Hỏi: Như tướng tương ứng với sự giận dữ, khi cõi Dục trừ dục, thì tướng ấy diệt hẳn, vì sao khi Tứ thiền trừ dục mới nói?

Đáp: Vì diệt nhân nên nói, nghĩa là nhân và duyên sinh ra giận dữ, nhân sắc, duyên sắc là sắc kia sẽ diệt hẳn khi Tứ thiền trừ dục. Đây nói là vì nhân và duyên diệt nên nói.

Vì thế cho nên diệt tướng có đối mà nói.

Không nghĩ nhớ đến tướng xen lẫn là tướng tản mát khắp của địa Tứ thiền.

Hỏi: Vì sao Đức Phật nói không nghĩ nhớ?

Đáp: Vì tướng tản mát khắp của Tứ thiền kia làm lui sụt chánh thọ của Không xứ, nên Đức Thế Tôn mới nói không nghĩ nhớ đến tướng này, chỉ lo tu đạo chánh thọ của Không xứ.

Vì thế cho nên nói không nghĩ đến tướng xen lẫn. Vô lượng không là vô lượng không xứ thành tựu sự du hóa.

Hỏi: Vì sao nói Không xứ? Vì tánh hay vì duyên?

Nếu là tánh lẽ ra phải là tánh của bốn ấm? Nếu là duyên thì đáng lý phải duyên bốn đế?

Soạn luận này xong, đáp: Chẳng xứ: Chẳng phải tánh, cũng chẳng phải duyên, chỉ vì phương tiện nên nói không xứ. Như sự lập bày kia nói: Thế nào là chánh thọ của Không xứ phương tiện? Thế nào là phương tiện thành chánh thọ của Không xứ? Chánh thọ của Không xứ này là lúc bắt đầu mới thực hành, hoặc ở trên đỉnh núi, hoặc ở trên gác cao, hoặc

ở trên đài cao, nghĩa là đất này là chỗ rất cao, không nghĩ đến người kia nói là đất ở đây là nơi rất thấp. Hành giả kia chỉ nghĩ đến không, ý hiểu rõ là không. Hành giả kia quán là không, phân biệt là không. Vì là từ không, nên thành tựu chánh thọ của không này. Do thành tựu định ấy, nên nói tên là Không xứ.

Hoặc nói: Pháp này nên như thế. Vì địa ấy kia bắt đầu không có sắc, địa được gọi Không xứ.

Hoặc nói: Vì lìa sắc, nên nói Không xứ. Hành giả kia đối với sắc của địa dưới, duyên sắc xong, dứt trừ dục cõi Dục, cho đến Tam thiên. Hành giả kia đối với trên Tứ thiên. Lại không có sắc nào để duyên, trừ dục của Tứ thiên. Bấy giờ, hành giả kia sinh ra tưởng không. Như người vịn lấy nhánh cây, đến mục tiêu cuối cùng của cây là ở phía trên cành. Trên cành ấy, không còn có cành nào nữa để vịn lấy. Lúc đó, bèn khởi tưởng không.

Như thế, hành giả đối với sắc của địa dưới, duyên với sắc, dứt bỏ dục ở cõi Dục, cho đến Tam thiên. Trên Tứ thiên không còn có sắc nào để duyên, trừ dục của Tứ thiên. Ngay lúc đó bèn khởi tưởng không. Vì là lìa sắc, nên nói là Không xứ.

Hoặc nói: Từ Không xứ khởi tưởng tương tự.

Có thuyết nói: Có một Tỳ-kheo được chánh thọ của Không xứ. Tỳ-kheo ấy từ định khởi, đưa tay sờ chạm chiếc giường. Người đồng học hỏi: Thấy tìm cái gì?

Tỳ-kheo đáp: Tôi tự tìm tôi.

Người đồng học nói: Thầy đang ở trên giường mà còn tìm gì nữa?

Nghĩa là từ định khởi tưởng tương tự, là nói Không xứ. Cho nên nói vô lượng không, vô lượng Không xứ thành tựu sự du hóa nghĩa là bốn ấm thiện của địa Không xứ kia đến chỗ thành tựu, cho nên nói vô lượng Không xứ thành tựu sự du hóa.

Lại nữa, Tỳ-kheo đã vượt qua tất cả vô lượng Không xứ, vô lượng Thức xứ thành tựu sự du hóa.

Hỏi: Vì sao nói Thức xứ? Vì tánh hay vì duyên? Nếu vì tánh, lẽ ra phải có tánh của bốn ấm? Nếu vì duyên phải là duyên của bốn đế? Soạn luận này xong, đáp: Vô lượng Thức xứ cũng không phải tánh, cũng không phải duyên, mà chỉ vì phương tiện, nên nói vô lượng Thức xứ. Như sứ Thi Thiết kia đã nói: Thế nào là chánh thọ của phương tiện vô lượng Thức xứ? Thế nào là siêng năng tinh tiến thành tựu chánh thọ vô lượng Thức xứ?

Là lúc bắt đầu thực hành, quán tưởng nhãn thức thanh tịnh, quán

tưởng nhĩ, tử, thiệt, thân, ý thanh tịnh, quán ngọn lửa của đống lửa lớn thanh tịnh, quán đèn sáng thanh tịnh.

Hành giả kia nghĩ là thức, ý giải là thức, quán là thức, phân biệt là thức, vì là từ thức, nên thành tựu chánh thọ này.

Do thành tựu định ấy, nên gọi là vô lượng Thức xứ.

Hoặc nói: Vì sự tương tự ấy từ định này khởi, sinh ra thức lạc duyệt (vui thích, hài lòng), cho nên nói vô lượng Thức xứ.

Vô lượng Thức xứ thành tựu sự du hóa, nghĩa là bốn ấm thiện của vô lượng Thức xứ, đạt đến chỗ thành tựu. Cho nên nói vô lượng Thức xứ thành tựu sự du hóa.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng Thức xứ, Vô sở hữu xứ, thành tựu sự du hóa.

Hỏi: Trong ấy không có những gì?

Đáp: Có tất cả, nghĩa là có vô lượng hạnh, trong đó không có vô lượng này, cho nên nói là vô sở hữu xứ.

Tôn giả Bà-tu-mật nói: Hành giả kia vô ngã chấp là ngã nên gọi là vô sở hữu xứ.

Hỏi: Như tất cả địa, không có ngã chấp ngã, vì sao Vô sở hữu xứ nói là Vô ngã chấp là ngã?

Đáp: Tất cả địa đều chấp ý ngã không có, như một ít dục sâu kết ràng buộc, như Vô sở hữu xứ. Thế nên nói Vô sở hữu xứ, không có ngã, chấp ngã.

Lại nói: Trong Vô sở hữu xứ kia, không có thường chấp là thường và thường trụ, cho nên nói Vô sở hữu xứ.

Lại nói: Trong vô sở hữu xứ kia, không có chỗ chấp mắc, không có chỗ nương tựa, không có chỗ trở về, cho nên nói Vô sở hữu xứ.

Thành tựu sự du hóa: Trong đây nói là bốn ấm thiện của Vô sở hữu xứ, cho đến được thành tựu, thế nên nói thành tựu sự du hóa.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, phi tưởng phi bất tưởng xứ, thành tựu sự du hóa.

Hỏi: Vì sao nói Phi tưởng Phi bất tưởng xứ?

Đáp: Vì tưởng kia không nhất định, phi tưởng cũng không nhất định. Tưởng không nhất định là: như định tưởng trong chánh thọ của bảy tưởng, trong đây không được như vậy.

Phi tưởng không nhất định: như định Vô tưởng, định Diệt tận, trong đây cũng không như vậy.

Hỏi: Nếu không như vậy, thì trong đây là thế nào?

Đáp: Vì trong xứ đây chậm lụt, không nhạy bén, không nhanh

chóng, không nhất định đoạn, cho nên nói Phi tướng Phi bất tướng xứ.

Thành tựu sự du hóa: trong đây nói là bốn ấm thiện của Phi tướng, Phi bất tướng xứ cho đến được thành tựu, thế nên nói là thành tựu sự du hóa.

Hỏi: Vì sao một cõi kia, hoặc tuổi thọ gấp hai lần, hoặc không, như Không xứ với tuổi thọ hai vạn kiếp, Thức xứ với tuổi thọ bốn vạn kiếp. Vì sao vô sở hữu xứ không nói tám vạn kiếp tuổi thọ? Vì sao Phi tướng Phi bất tướng xứ nói số tuổi thọ là mười sáu vạn kiếp?

Đáp: Vì giới hạn tuổi thọ tùy thuộc vào nhân báo của các xứ ấy. Nghĩa là giới hạn của nhân như thế nào, thì báo cũng như thế đó.

Hoặc nói: Không xứ có vô lượng hành, hoặc không có vô lượng hành. Vô lượng hành nghĩa là tuổi thọ vạn kiếp. Không có vô lượng hành cũng được thọ vạn kiếp, cho nên Không xứ kia thọ hai vạn kiếp.

Thức xứ cũng có vô lượng hành, hoặc không có vô lượng hành. vô lượng hành: Thọ hai vạn kiếp, không có vô lượng hành cũng thọ hai vạn kiếp, cho nên Thức xứ kia thọ bốn vạn kiếp. Vì trên Thức xứ không có vô lượng hạnh, nên phần tuổi thọ vô lượng hành của Thức xứ kia bị chia cắt là lẽ tất nhiên.

Hoặc nói: Trong Không xứ có chỉ, có quán. Chỉ: Thọ vạn kiếp, quán cũng vậy. Cho nên Không xứ kia thọ hai vạn kiếp.

Thức xứ cũng có chỉ, có quán. Chỉ: Thọ hai vạn kiếp, quán cũng thọ hai muôn kiếp, cho nên Thức xứ kia tiếp nhận bốn muôn kiếp tuổi thọ. Vì chỉ quán của Thức xứ mỏng dần, nên phần quán bị gián đoạn, là lẽ cố nhiên.

Hoặc nói: Tánh của tất cả địa kia là thọ hai vạn kiếp: Tánh của Không xứ là thọ hai vạn kiếp, tánh của Thức xứ cũng vậy. Vì vượt qua một địa, nên được thọ hai lần hai vạn kiếp, thế nên địa kia được thọ bốn muôn kiếp.

Tánh của Vô sở hữu xứ cũng thọ hai vạn kiếp, vì vượt qua hai địa, nên thọ bốn vạn kiếp, cho nên Vô sở hữu xứ kia được thọ sáu vạn kiếp tánh của Phi tướng Phi bất tướng xứ cũng thọ hai muôn kiếp. Vì vượt qua ba địa, nên lại thọ sáu vạn kiếp, cho nên Phi tướng, Phi phi tướng xứ kia được thọ tám muôn kiếp, lý do là như thế.

Thế nên một cõi kia, hoặc gấp hai lần tuổi thọ, hoặc không.

Có thuyết nói: Cõi Dục và phi tướng phi bất tướng đều không có Thánh đạo.

Hỏi: Vì sao cõi Dục và Phi tướng, Phi bất tướng không có Thánh đạo?

Đáp: Vì không phải ruộng, không phải đất, không phải đồ đựng, lý do là như thế.

Hoặc nói: Ở đây nói hai biên:

1. Biên cõi Dục.
2. Biên Phi tướng Phi bất tướng.

Vì Thánh đạo kia dứt bỏ hai biên, nên ở trong Thánh đạo, lý do là như vậy.

Hoặc nói: Ở đây nói một ở hữu, hai là căn. Một là cõi Dục có căn, hai là phi tướng phi bất tướng có căn. Thánh đạo kia đã dứt trừ hai hữu, căn, mà ở trong Thánh đạo, lý do này là như thế.

Hoặc nói: Vì cõi Dục này chẳng phải cõi định, không phải là địa tư duy, không phải địa trừ dục. Phi tướng, phi bất tướng chậm lụt, không nhạy bén, không nhanh chóng, không nhất định đoạn, còn Thánh đạo là quyết định là tư duy, có thể trừ dục, không chậm lụt, rất nhạy bén và nhanh chóng, cho nên như thế.

Hoặc nói: Vì cõi Dục này tăng hý luận, Phi tướng, Phi bất tướng xứ tăng chỉ, còn Thánh đạo là chỉ, quán. Do vậy nên cõi Dục và Phi tướng phi bất tướng không có Thánh đạo.

Đã nói rộng về lĩnh vực của bốn Vô Sắc xong.
